TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: 160/2021/DS-PT
Ngày: 16-11-2021
V/v *"Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Đăng**

Các Thẩm phán: Ông **Vương Minh Tâm**

Ông **Phạm Trường Thọ**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Phước Thành** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà **Trần Thị Trúc Lâm -** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 123/2021/DS-PT ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc *"Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2021/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 169/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1968 - có mặt

- *Bị đơn:* Ông Diếp (Díp) Văn T, sinh năm 1972 - có mặt

Cùng nơi cư trú: ấp AT, xã NT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Bùi Ánh H, sinh năm 1975 - có mặt

2. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1967 - có mặt

Cùng nơi cư trú: ấp AT, xã NT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 01/7/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/6/2020 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Vào năm 2013 bà P xây dựng căn nhà cấp 4, kết cấu: cột bê tông, móng bê tông, vách tường có dán gạch phòng khách và phòng ngủ, mái tole xi măng, không trần, diện tích chiều ngang 4,5 mét, chiều dài 12 mét, tổng diện tích 48m^2, tọa lạc tại ấp AT, xã NT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 09/11/2009 âm lịch ông T khởi công cơ sở sản xuất mối bọt tại vị trí hiện tại cho đến bây giờ. Năm 2015 trong quá trình ông T sản xuất muối làm nước muối tràn qua phía trước vách nhà và sân bà P. Đến khoảng năm 2017 nhà bà P bị thiệt hại như sau: Tường nhà bị nứt, gạch dáng tường bị rớt, muối ứng lên trắng trên tường, sân nhà, nhà tiền chế, hàng rào cũng bị rỉ sét.

Nay bà P yêu cầu vợ chồng ông T, bà H bồi thường tổng cộng tài sản thiệt hại căn nhà nêu trên là 90.000.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Phía bị đơn là ông Diếp Văn T trình bày:

Vào khoảng năm 2010 ông T, bà H có xây dựng lò muối bọt tại vị trí ấp AT, xã N, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long gần sát cạnh nhà bà P.

Vào năm 2013 trong quá trình sản xuất muối do công nhân của ông T làm bắn nước muối qua nhà và sân của bà P (do còn vách lá, hiện nay đã xây tường). Sau đó, bà P có báo với chính quyền ấp xác minh và hòa giải thì ông T, bà H đồng ý bồi thường tổng cộng là 14.000.000 đồng. Hiện nay trong quá trình sản xuất nước muối không còn bắn nước muối sang nhà và sân của bà P.

Nay bà P yêu cầu vợ chồng ông T, bà H bồi thường thiệt hại căn nhà cho rằng do sản xuất muối gây ra là 90.000.000 đồng thì vợ chồng ông T, bà H không đồng ý vì lý do từ năm 2013 đến nay không có bắn nước muối sang phần sân và nhà của bà P.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà H trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của ông T. Ngoài ra, không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

2. Ông T2 trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của bà P. Ngoài ra, không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2021/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Vĩnh Long đã xử:

Căn cứ khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 3 Điều 94 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 584 và Điều 602 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

Buộc vợ chồng ông T, bà H có nghĩa vụ liên đối bồi thường thiệt hại căn nhà cho bà P số tiền là 90.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong thì phải chịu thêm phần tiền lãi trên số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với khoản thời gian chưa thi hành án xong.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021, ông Diếp Văn T và bà Bùi Ánh H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Yêu cầu sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Diếp Văn T và bà Bùi Ánh H có trách nhiệm bồi thường thiệt hại số tiền là 90.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông T Bà H trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý bồi thường cho bà P số tiền 90.000.000 đồng.

Bà P, ông T2 trình bày: Không đồng ý nội dung kháng cáo, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Phân tích nội dung, chứng cứ và đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông T, bà H sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông T, bà H còn trong hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn trình bày vào năm 2013, phía nguyên đơn có xây dựng căn nhà cấp 4, cột bê tông, nền bê tông, vách tường, căn nhà gần cơ sở sản xuất muối của ông T, nên nước muối tràn qua nhà của bà gây thiệt hại nhà của bà nên

bà P yêu cầu ông T bồi thường thiệt hại về tài sản.

Bị đơn cho rằng vào năm 2013 cơ sở sản xuất muối của ông tràn nước muối qua nhà bà P làm thiệt hại tài sản của bà P nên ông đã bồi thường 14.000.000 đồng, sau đó ông đã khắc phục nên cơ sở của ông không gây thiệt hại tài sản của bà P nên ông không đồng ý bồi thường.

[3] Xét thấy cơ sở sản xuất muối của ông T gây thiệt hại nhà của bà P là xảy ra trên thực tế, thể hiện qua lời trình bày của bà P và ông T đều thừa nhận. Cấp sơ thẩm xử buộc ông T, bà H bồi thường thiệt hại tài sản cho bà P là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên thể hiện biên bản định giá tài sản ngày 15/5/2020 thì diện tích nhà chính bị thiệt hại là 94,27 m^2, giá xây dựng là 2.333.028 đồng/m^2 nên tính giá trị căn nhà là: 94,27 m^2 x 2.333.028 đồng 219.934.549 đồng, giá trị nhà còn lại 65% = 142.957.456 đồng. Theo biên bản định giá của cơ quan chức năng thì mức thiệt hại là 25% thành tiền là: 142.957.456 đồng x 25% = 35.739.364 đồng. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà P 90.000.000 đồng là không chính xác nên sửa án sơ thẩm. Chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên và một phần kháng cáo của ông Diếp Văn T và bà Bùi Ánh H.

Do sửa án sơ thẩm nên điều chỉnh án phí dân sự sơ thẩm 35.739.364 đồng x 5% = 1.786.900 đồng.

[3] Án phí kinh dân sự phúc thẩm: Ông T, bà H không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Diếp Văn T và bà Bùi Ánh H, sửa một phần bán án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 3 Điều 94 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 584 và Điều 602 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Diếp Văn T và bà Bùi Ánh H bồi thường thiệt hại tài sản cho bà Nguyễn Thị P số tiền 35.739.364 đồng (Ba mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi chín ngàn ba trăm sáu mươi bốn đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Diếp Văn T và bà Bùi Ánh H nộp 1.786.900 đồng (một triệu bảy trăm tám mươi sáu ngàn chín trăm đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T, bà H không phải nộp. Hoàn trả lại cho ông T và bà H mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0011153 và 0011154 ngày 23/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TB.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Chánh án: 01;
- TAND HTB: 01;
- THADS HTB: 01;
- Các đương sự;
- Lưu: 06;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Đăng